

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TP CẤP THCS  
NĂM HỌC 2025 - 2026



BẢNG ĐIỂM THI VÀ KẾT QUẢ XẾP GIẢI  
MÔN: TIN HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

*Handwritten signature*

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	NGUYỄN PHẠM HẢI	DUƠNG	032 / 000694	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	29,00	
2	VŨ MINH	TUẤN	064 / 001441	THCS Lý Tự Trọng	P. GIA VIÊN	29,00	
3	TRẦN ĐÌNH	HẢI	145 / 003267	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	27,60	
4	TẶNG ĐỨC GIA	HUY	146 / 003275	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	25,90	
5	LÊ NAM	PHONG	105 / 002328	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	24,60	
6	VŨ THÁI	MINH	146 / 003288	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	23,15	
7	TRẦN QUANG	NAM	032 / 000700	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	23,00	
8	NGUYỄN VĂN	NHẤT	146 / 003292	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	21,75	
9	VŨ ĐÌNH QUANG	THÁI	147 / 003298	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	21,75	
10	PHẠM QUANG	BẮC	145 / 003257	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	21,55	
11	LƯU BẢO	KHANG	146 / 003277	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	21,10	
12	TRỊNH HẢI	PHONG	032 / 000703	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	19,20	
13	NGUYỄN QUANG	VINH	105 / 002334	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	18,90	
14	VŨ XUÂN TUẤN	CUÔNG	145 / 003260	THCS Cộng Hòa	X. LAI KHÉ	18,15	
15	NGUYỄN NGỌC	THI	147 / 003300	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	18,15	
16	PHAN NHẬT	HUNG	105 / 002320	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	17,80	
17	TRẦN MINH	LÂM	105 / 002321	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	17,80	
18	VŨ THẾ	HẢI	145 / 003268	THCS Nhân Quyền	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	16,65	
19	ĐẶNG TIẾN	QUYẾT	147 / 003297	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	16,40	
20	NGÔ BÙI KHÁNH	TOÀN	147 / 003302	THCS Dân Chủ	X. TÂN KỶ	16,40	
21	TRẦN LÊ	NGUYỄN	064 / 001436	THCS Lý Tự Trọng	P. GIA VIÊN	15,50	
22	NGUYỄN NĂNG ĐỨC	NHÂN	146 / 003291	THCS Vạn Phúc	X. TÂN AN	14,80	
23	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	064 / 001427	THCS Lý Tự Trọng	P. GIA VIÊN	14,40	
24	NGUYỄN HỮU VIỆT	HOÀNG	105 / 002317	THCS Hiệp Sơn	P. PHẠM SƯ MẠNH	13,80	
25	HỒ DUY	ANH	145 / 003253	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	13,65	
26	NGUYỄN MINH	QUÂN	105 / 002331	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	13,45	
27	NGUYỄN ĐÌNH	HIỆP	145 / 003269	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	13,45	
28	LÊ THẾ	VŨ	064 / 001442	THCS Đằng Hải	P. HẢI AN	13,10	
29	PHẠM HOÀNG	MINH	105 / 002324	TH-THCS Thái Học	P. CHU VĂN AN	12,70	
30	PHAN THỊ HÀ	VY	147 / 003313	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	12,15	
31	CHU BÁ VIỆT	ANH	145 / 003252	THCS Nguyễn Giáp	X. NGUYỄN GIÁP	12,10	
32	ĐỖ TUẤN	DŨNG	105 / 002313	THCS An Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	11,85	
33	NGUYỄN VĂN	HIẾU	145 / 003271	THCS Tân Quang II	X. HỒNG CHÂU	11,85	
34	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	078 / 001727	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	11,80	
35	TRẦN THĂNG	LONG	105 / 002323	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	11,80	
36	ĐÀO ANH	MINH	146 / 003285	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	11,80	
37	NGUYỄN HỒNG	THÁI	105 / 002332	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	11,55	
38	BÙI BÁCH PHƯƠNG	VINH	147 / 003308	THCS Lai Vu	X. LAI KHÉ	11,55	
39	TRẦN QUỐC	BẢO	145 / 003256	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	11,50	
40	LÊ ĐỨC	HUY	146 / 003273	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	11,50	
41	BÙI HUY	NHẬT	032 / 000701	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	11,40	
42	ĐOÀN NHẬT	MINH	146 / 003286	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	11,35	
43	BÙI KIÊN	GIANG	145 / 003265	THCS Tân Quang	X. HỒNG CHÂU	10,85	
44	NGUYỄN VIỆT QUỐC	TRƯỜNG	147 / 003303	THCS Tân An	X. HÀ TÂY	10,85	
45	VŨ ĐÌNH	AN	032 / 000692	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	10,40	
46	LÊ VIỆT	PHÁT	032 / 000702	THCS Bạch Đằng	P. HỒNG BẰNG	10,40	
47	TRẦN LAM	PHONG	064 / 001438	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	10,40	



STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	ĐỖ XUÂN	TÌNH	079 / 001741	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	10,40	
49	TẠ GIA	LỘC	064 / 001434	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	10,30	
50	LÊ ANH	TUẤN	147 / 003304	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	10,10	
51	VŨ BẰNG	TÙNG	079 / 001742	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	10,00	
52	PHẠM ĐỨC	BÌNH	105 / 002312	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	10,00	
53	BÙI DUY	THÀNH	105 / 002333	THCS Tân Dân	P. NHỊ CHIẾU	9,90	
54	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	146 / 003290	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	9,90	
55	NGÔ AN	KHÔI	064 / 001432	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	9,81	
56	NGUYỄN PHÚC QUANG	HUY	146 / 003274	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	9,65	
57	NGUYỄN HỮU HẢI	DƯƠNG	145 / 003262	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	9,60	
58	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	146 / 003294	THCS Kim Liên	X. PHÚ THÁI	9,60	
59	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	147 / 003314	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	9,55	
60	HÀ HỒNG	QUÂN	147 / 003296	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	9,50	
61	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	079 / 001744	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	9,05	
62	PHẠM HOÀNG ANH	ĐỨC	032 / 000695	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	9,00	
63	VŨ HOÀNG	LÂN	078 / 001733	THCS Quốc Tuấn	X. AN QUANG	9,00	
64	ĐOÀN HÙNG	PHÁT	064 / 001437	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	8,91	
65	NGUYỄN MINH	ĐỨC	105 / 002315	THCS Hiệp Hòa	P. TRẦN LIẾU	8,50	
66	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	145 / 003264	THCS Kim Liên	X. PHÚ THÁI	8,25	
67	PHẠM ĐAN	KHÁNH	032 / 000698	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,00	
68	VŨ	MINH	064 / 001435	THCS-THPT FPT	P. HẢI AN	8,00	
69	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	145 / 003254	THCS Nam Hưng	X. HỢP TIẾN	7,60	
70	TRẦN ĐỨC	KIÊN	146 / 003278	TH-THCS Thanh Quang	X. TRẦN PHÚ	7,60	
71	VŨ TUẤN	KIỆT	146 / 003280	THCS Đại Đức	X. KIM THÀNH	7,60	
72	BÙI MINH	HIỂN	032 / 000696	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,40	
73	LÊ HOÀNG KHÁNH	HUY	105 / 002319	THCS Tân Dân	P. LÊ ĐẠI HÀNH	7,15	
74	VŨ HÀ	VI	147 / 003307	THCS Lam Sơn	X. BẮC THANH MIỆN	7,15	
75	VŨ LÊ	AN	145 / 003251	THCS Hồng Khê	X. BÌNH GIANG	7,10	
76	PHẠM	KIỆT	146 / 003279	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	7,10	
77	PHAN BẢO	LÂM	146 / 003282	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,10	
78	VŨ KIM	LONG	146 / 003283	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	7,10	
79	PHẠM THỊ ÁI	NHI	146 / 003293	THCS Quang Minh	X. TRƯỜNG TÀN	6,85	
80	NGUYỄN THÁI	DŨNG	032 / 000693	THCS Bạch Đằng	P. HỒNG BÀNG	6,70	
81	HOÀNG TRUNG	HẢI	064 / 001430	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	6,70	
82	NGUYỄN KHẮC BẢO	LÂM	064 / 001433	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	6,70	
83	NGUYỄN QUANG ĐẠI	DƯƠNG	105 / 002314	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	6,70	
84	NGUYỄN ĐỨC	THIÊN	032 / 000704	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	6,40	
85	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	064 / 001431	THCS An Đồng	P. AN HẢI	6,40	
86	HOÀNG MINH	THỊNH	079 / 001740	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	6,40	
87	ĐINH MINH	QUÂN	105 / 002329	THCS Nam Đồng	P. NAM ĐỒNG	6,40	
88	LÊ VIỆT	DŨNG	145 / 003261	THCS Cẩm Hoàng	X. CẨM GIANG	5,00	
89	BÙI HOÀNG	LÂM	146 / 003281	THCS Kiến Quốc	X. KHÚC THỪA DỤ	5,00	
90	ĐẶNG HỮU	HIẾU	145 / 003270	THCS An Bình	X. AN PHÚ	4,75	
91	BÙI GIA	HUY	145 / 003272	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	4,75	
92	NGUYỄN PHÚC	ĐẠT	145 / 003263	THCS Ninh Hải	X. KHÚC THỪA DỤ	4,35	
93	NGUYỄN ĐỨC NHẬT	MINH	146 / 003287	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	4,25	
94	NGUYỄN ĐỨC	KIÊN	032 / 000699	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	4,00	
95	NGUYỄN THIỆN	NHÂN	079 / 001738	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	4,00	
96	ĐỒNG ĐỨC	VƯỢNG	079 / 001745	THCS Hoa Động	P. THỦY NGUYỄN	4,00	
97	NGÔ NHẬT	QUÂN	105 / 002330	THCS Tân Dân	P. LÊ ĐẠI HÀNH	4,00	
98	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THANH	147 / 003299	THCS Bình Xuyên	X. THƯỢNG HỒNG	4,00	
99	VŨ MINH	ĐỨC	105 / 002316	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	3,00	
100	HỒ THU	HƯƠNG	146 / 003276	THCS An Thanh	X. CHÍ MINH	2,90	

H.C.N  
SỞ  
DỤC  
OTA  
HỒ HẢI

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	032 / 000697	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	2,40	
102	HOÀNG CÔNG HÙNG	MINH	079 / 001734	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	2,16	
103	TIÊN HOÀNG	MINH	105 / 002325	THCS Bạch Đằng	P. BẮC AN PHỤ	2,10	
104	PHẠM PHAN VIỆT	ANH	145 / 003255	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	2,10	
105	TRẦN THỊ TUYẾT	CHINH	145 / 003259	THCS Đoàn Kết	X. HẢI HUNG	2,10	
106	PHẠM AN	BÌNH	145 / 003258	THCS Toàn Thắng	X. GIA PHÚC	1,89	
107	PHẠM HỮU HỒNG	ANH	078 / 001721	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	0,30	
108	TRẦN QUỐC	VIỆT	032 / 000705	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	0,00	
109	ĐỖ THẾ	BÌNH	064 / 001428	TH-THCS Vạn Hương	P. ĐỖ SƠN	0,00	
110	PHẠM MINH	ĐỨC	064 / 001429	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	0,00	
111	BÙI ĐÌNH	THÀNH	064 / 001439	THCS Trần Nhật Duật	P. BẠCH ĐĂNG	0,00	
112	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	064 / 001440	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	0,00	
113	VŨ VĂN	ANH	078 / 001722	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	0,00	
114	VŨ QUỐC	BẢO	078 / 001723	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	0,00	
115	PHẠM DOANH	DOANH	078 / 001724	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	X. TÂN MINH	0,00	
116	BÙI THÙY	DƯƠNG	078 / 001725	THCS Đại Hà	X. KIẾN HUNG	0,00	
117	ĐÌNH TRỌNG	ĐẠT	078 / 001726	THCS Tiên Cường	X. QUYẾT THẮNG	0,00	
118	NGUYỄN VŨ	HẢI	078 / 001728	THCS Tú Sơn	X. KIẾN HẢI	0,00	
119	NGUYỄN MINH	HIẾU	078 / 001729	TH-THCS Thành	X. AN TRƯỞNG	0,00	
120	NGUYỄN DUY	HOÀNG	078 / 001730	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÉ	0,00	
121	VŨ VIỆT	HOÀNG	078 / 001731	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	0,00	
122	ĐỖ TÙNG	LÂM	078 / 001732	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	0,00	
123	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	MINH	079 / 001735	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VINH HÒA	0,00	
124	PHẠM QUANG	MINH	079 / 001736	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIẾN	0,00	
125	NGÔ QUANG	NGHĨA	079 / 001737	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	0,00	
126	HOÀNG MINH	QUÂN	079 / 001739	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	0,00	
127	PHẠM QUANG	VINH	079 / 001743	THCS Quang Phục	X. TIÊN MINH	0,00	
128	TRƯƠNG TRẦN HUY	HOÀNG	105 / 002318	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	0,00	
129	TẶNG NHẬT	LINH	105 / 002322	THCS Thạch Khôi	P. THẠCH KHÔI	0,00	
130	NGUYỄN THÀNH	NAM	105 / 002326	THCS Tân Dân	P. LÊ ĐẠI HÀNH	0,00	
131	NGÔ THỊ YẾN	NHI	105 / 002327	THCS Thái Thịnh	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	0,00	
132	NGUYỄN THÙY	GIANG	145 / 003266	THCS Đức Chính	X. TUỆ TÍNH	0,00	
133	ĐÀO DUY	LUÂN	146 / 003284	THCS Tân Hương	X. VINH LẠI	0,00	
134	VŨ CHÂU BẢO	NGỌC	146 / 003289	THCS Vĩnh Hồng	X. KÊ SẮT	0,00	
135	ĐÀO MẠNH	QUÂN	147 / 003295	THCS Cộng Lạc	X. LẠC PHƯỢNG	0,00	
136	TRẦN NGUYỄN DUY	THỊNH	147 / 003301	THCS Văn Đức	P. TRẦN NHÂN TÔNG	0,00	
137	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	147 / 003305	THCS Cẩm Chế	X. HÀ BẮC	0,00	
138	ĐỖ TỐ	UYÊN	147 / 003306	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	0,00	
139	LÝ THÀNH	VINH	147 / 003309	THCS Thanh An	X. HÀ NAM	0,00	
140	VŨ QUANG	VINH	147 / 003310	THCS Vĩnh Hồng	X. KÊ SẮT	0,00	
141	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	VŨ	147 / 003311	THCS Thanh Quang	X. HÀ ĐÔNG	0,00	
142	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	147 / 003312	THCS Hồng Phong	X. NAM THANH MIỆN	0,00	

(Danh sách gồm: 142 thí sinh)